

Số: 39/TM-TTYT
V/v cung cấp báo giá 84 thiết bị y tế
năm 2024

Cao Lộc, ngày 27 tháng 05 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc đang chuẩn bị thực hiện mua sắm 84 thiết bị y tế năm 2024. Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc kính mời các đơn vị có đủ năng lực thực hiện cung cấp hàng hóa trên gửi bản báo giá để đơn vị tham khảo xây dựng dự toán và kế hoạch mua sắm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc. Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Lương Thị Trang, Phó trưởng khoa Dược-TTB-VTYT.
Điện thoại: 02053.861.862 -0857.457.909
Email: dclsytecaoloc@gmail.com
- Việc nộp báo giá có thể thực hiện theo hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, thư điện tử (Email: dclsytecaoloc@gmail.com) hoặc bằng Fax. (Gửi kèm mẫu phụ lục báo giá).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 27 tháng 05 năm 2024 đến hết ngày 05 tháng 06 năm 2024.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ 04 tháng 06 năm 2024.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

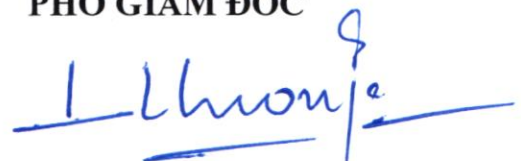
- Danh mục đề nghị báo giá: (Chi tiết tại yêu cầu báo giá kèm theo).
- Địa điểm vận chuyển, cung cấp: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc; Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
Yêu cầu về bảo quản: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Thời gian dự kiến giao hàng: Khi nhận được dự trù của bên mua.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, hình thức thanh toán: chuyển khoản.
- Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng kính mời các quý công ty./.

Nơi nhận:

- Website đơn vị;
- Ban lãnh đạo;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Lương

Phụ lục 1:
SỞ Y TẾ LẠNG SƠN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAO LỘC
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ THÔNG THƯỜNG

(Kèm theo Công văn số /CV-TTYT ngày /5/2024 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc)

ST T	Tên hàng hóa	Phân nhóm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Số lượng
1	Acid xói mòn răng hoặc tương đương		Lọ 5ml	Lọ	Lọ khối lượng tịnh 5ml		1
2	Băng dính lụa hoặc tương đương	Nhóm 6	Cuộn 2,5cm x 5m	Cuộn	- Phần nền: Băng vải lụa silk, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: cuộn nhựa PP. - Kích thước đúng: 2,5cm x 5m. - Trọng lượng keo: 3,5mg/cm2. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO 13485:2016	500
3	Băng dính lụa hoặc tương đương	Nhóm 6		Cuộn	- Phần nền: Băng vải lụa silk, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. - Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Lõi: cuộn nhựa PP. - Kích thước đúng: 5cm x 5m. - Trọng lượng keo: 3,5mg/cm2. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO 13485:3016	500
4	Băng keo hấp nhiệt trong y tế hoặc tương đương		Cuộn 25mm x 56m	Cuộn	Kích thước 25mm x 56m	ISO 13485:2016	15
5	Bơm tiêm điện 50ml hoặc tương đương	Nhóm 6	50 chiếc/ hộp	Cái	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	100
6	Bơm tiêm nhựa 10ml hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 100 cái; 10ml	Cái	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	60.000
7	Bơm tiêm nhựa 1ml hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 100 cái; 1ml	Cái	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,	CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	80.000
8	Bông thấm nước hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi 1 kg	Kg	100% bông xơ tự nhiên, cấu trúc đơn bào, màu trắng. Tốc độ hút nước: trong 10s, độ ẩm tối đa: 8,0%. Hàm lượng chất tan tối đa 0,5%, hàm lượng clorua không quá 0,005%.	ISO 13485:2016	200
9	Bộ đặt nội khí quản các số hoặc tương đương	Nhóm 6	Bộ	Bộ	Gồm 3 lưỡi: Lưỡi cong số 1, lưỡi cong số 2, lưỡi cong số 3. Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. Lưỡi được thiết kế tối tân để dễ dàng đặt ống nội khí quản và quan sát tốt		1

10	Fuji I hoặc tương đương		Lọ 15g	Lọ	Lọ 15g		2
11	Canuyn miệng-họng người lớn hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp/10cái	Cái	Thiết kế bán cứng, không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Các cạnh được hoàn thiện mịn và bo tròn, ít sang chấn miệng, tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân - Đường dẫn khí êm ái giúp làm sạch dễ dàng	ISO 13485	20
12	Canuyn miệng-họng trẻ em hoặc tương đương	Nhóm 6	1 cái/ túi	Cái	Thiết kế bán cứng, không độc hại, linh hoạt và không gây kích ứng - Các cạnh được hoàn thiện mịn và bo tròn, ít sang chấn miệng, tối đa hóa sự thoải mái cho bệnh nhân - Đường dẫn khí êm ái giúp làm sạch dễ dàng	ISO 13485	20
13	Chỉ Dafilon hoặc tương đương		Hộp 36 sợi	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Polyamide 6 (Nylon) số 1/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8 dài 30 mm, đạt chứng chỉ chất lượng ISO, CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
14	Chỉ Dafilon hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 36 sợi	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Polyamide 6 (Nylon) số 3/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8 dài 24-26 mm, đạt chứng chỉ chất lượng ISO, CE	EN ISO13485 : 2016, CE	24
15	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 5/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Polyamide 6 (Nylon) số 5/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8 dài 16 mm, đạt chứng chỉ chất lượng ISO, CE	EN ISO13485 : 2016, CE	72
16	Chỉ nylon (Polyamide polymer) số 6/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Polyamide 6 (Nylon) số 6/0, dài 45cm, kim tam giác 3/8 dài 12 mm, đạt chứng chỉ chất lượng ISO, CE	EN ISO13485 : 2016, CE	72
17	Chỉ Nylon đơn sợi không tiêu số 4/0 hoặc tương đương		Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi Polyamide 6 (Nylon) số 4/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8 dài 19 mm, đạt chứng chỉ chất lượng ISO, CE	EN ISO13485 : 2016, CE	72
18	Chỉ polyglactin kháng khuẩn số 3/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 36 sợi	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0 dài 75 cm, kim tròn 26mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 1.77 kgf và lực tách kim chỉ 0.69 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	72
19	Chỉ polyglactin kháng khuẩn số 4/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 36 sợi	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 20mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 0.95 kgf và lực tách kim chỉ 0.46 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	96
20	Chỉ polypropylene số 3 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 26 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.9 kgf và lực tách kim chỉ 0.68 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
21	Chỉ polypropylene số 3/0 hoặc tương đương		Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 26 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.9 kgf và lực tách kim chỉ 0.68 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
22	Chỉ polypropylene số 4 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 20 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.5 kgf và lực tách kim chỉ 0.45 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
23	Chỉ polypropylene số 4/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 20 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.5 kgf và lực tách kim chỉ 0.45 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
24	Chỉ polypropylene số 5 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 5/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 17 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.3 kgf và lực tách kim chỉ 0.23 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	96
25	Chỉ polypropylene số 5/0 hoặc tương đương		Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 5/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 17 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Độ bền kéo nút thắt 0.3 kgf và lực tách kim chỉ 0.23 kgf. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60

26	Chi polyglycolic acid số 4/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 20 mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 100% polyglycolic Acid (PGA), được phủ Polycaprolactone và calcium stearate. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt 0.95 kgf và lực tách kim chỉ 0.46 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
27	Chi thép liên kim hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 4 sợi 45 cm;	Sợi	Được làm từ hợp kim sắt nghèo carbon, dài ≥45 cm; Số 5V40	ISO 13485, CE	36
28	Chi Vicryl số 3/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Dài 75 cm	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0 dài 75 cm, kim tròn 26mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 1.77 kgf và lực tách kim chỉ 0.69 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
29	Chi Vicryl số 4/0 hoặc tương đương	Nhóm 6	Dài 75 cm	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 20mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 0.95 kgf và lực tách kim chỉ 0.46 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	60
30	Chi Vicryl số 2/0 (polyglactic acid) hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0 dài 75 cm, kim tròn 26mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 2.68 kgf và lực tách kim chỉ 1.12 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	96
31	Chi Vicryl số 1/0 (polyglactic acid) hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 12 sợi;	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1 dài 90 cm, kim tròn 40mm 1/2C được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được cấu tạo bởi 90% glycolide và 10% L-lactic acid, được phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate theo tỷ lệ 30:70. Chỉ duy trì được sức căng trên 65% sau 2 tuần cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 54 đến 70 ngày. Độ bền kéo nút thắt 5.08 kgf và lực tách kim chỉ 1.8 kgf. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn CE	EN ISO13485 : 2016, CE	96
32	Cồn 70 độ hoặc tương đương	Nhóm 6	Chai 500ml	Chai	Cồn Ethanol 70 độ, không màu trong suốt, có mùi cồn đặc trưng	ISO 13485:2016	200
33	Cồn tuyệt đối hoặc tương đương	Nhóm 6	Chai 500ml	Chai	Ethanol 99%, trắng trong không màu, có mùi đặc trưng. Là chất lỏng dễ bay hơi, dễ cháy	ISO 13485:2016	3
34	Đèn cực tím hoặc tương đương		Cái	Cái	Bóng dài 60cm, nguồn điện : 220V, Máng đèn hình chữ C Inox, Công suất :15W-20W. Bóng đèn cực tím 6 Tắc: 220V, 15W-20W	TCCS	2
35	Dây nối bơm tiêm điện hoặc tương đương	Nhóm 6	Thùng/ 100 cái	Cái	Đầu nối Luer Lock. Dây chất liệu PVC. Dây dài 150 cm. Đường kính trong 1.0 mm đường kính ngoài 2.0 mm	ISO 13485:2016; CE	100
36	Dây truyền máu hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi 01 bộ	Bộ	Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc 200µm, bầu lọc loại 1 buồng. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/ml. Chất liệu dây: PVC, có kim truyền không cánh cờ 18G	ISO 13485:2016; CE	200
37	Dây vải Garo hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái	Cái	Sản phẩm có độ co giãn tốt, được dệt từ sợi su và chỉ. Có gai dán	TCCS	100
38	Đè lưỡi gỗ vô khuẩn hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp 100 cái	cái	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	ISO 13485: 2016;	3.000
39	Devital hoặc tương đương		Hộp 5 gam	Hộp	Hộp 5 gam		1
40	Cidezym hoặc tương đương	Nhóm 6	Can 5L	Can	Enzyme Protease 5% (w/w); Alcohol Ethoxylate 8% (w/w); chất chống ăn mòn kim loại và các chất phụ gia vừa đủ 100%. hiệu quả nhanh sau 1 phút pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ. Tương thích với nhiều loại dụng cụ.	ISO 9001 ISO 13485	10
41	Formaldehyd hoặc tương đương		Chai 500ml	Chai	Chai 500ml		2

42	Gạc mềm hoặc tương đương	Nhóm 6	Khổ 800mm, kiện 1000mét	Mét	Sản phẩm gạc hút có thành phần cotton tự nhiên 100%, đồng đều theo các tiêu chuẩn quy định. Có màu trắng đồng nhất, không có vết ô, không mốc. Khả năng thấm hút không quá 5 giây, trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: không quá 8%; Độ axit và độ kiềm: đạt trung tính; không có tinh bột hoặc dextrin; Các chất tan trong nước: không quá 0,5%.	ISO 13485:2016	4.000
43	Gel siêu âm hoặc tương đương	Nhóm 6	Can 5 lít	Can	- Gel trong, đồng chất, không gây dị ứng trên bề mặt da - Ti lệ thành phần: + Hydro ethyl cellulose: 2% + Carbomer: 1% + Methyl paraben: 0,2% + Propyl paraben: 0,02% + PEG 400: 1% + Glycerin: 0,5%	ISO 13485:2016;	20
44	Giấy điện tim hoặc tương đương	Nhóm 6	Cuộn	Cuộn	Kích thước: 215 mm x 25 m x 16 mm, dùng cho máy điện tim 12 cần.	ISO 13485:2016; CE	60
45	Giấy điện tim hoặc tương đương	Nhóm 6	Cuộn	Cuộn	Kích thước: 58mm x30m x16mm, dùng cho máy in nhiệt	ISO 13485:2016; CE	10
46	Giấy điện tim 6 cần hoặc tương đương	Nhóm 6	Xấp	Xấp	Kích thước:110mm x140mm x142 sheets, dùng cho máy điện tim 6 cần	ISO 13485:2016; CE	100
47	Giấy in monitor tim thai hoặc tương đương	Nhóm 6	Cuộn	Cuộn	Kích thước: 110mm x30m x16mm, dùng cho máy in nhiệt	ISO 13485:2016; CE	5
48	Giấy in nhiệt hoặc tương đương	Nhóm 6	Cuộn	Cuộn	Kích thước: 58mm x30m x16mm, dùng cho máy in nhiệt	ISO 13485:2016; CE	60
49	Hộp đựng bông cotton nhỏ hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp	Hộp	Hộp, chất liệu Inox, không gỉ		20
50	Kim châm cứu	Nhóm 6	Cái	Cái	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gỉ, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,18 - 0,40)mm x (8 – 150) mm - Độ cứng của kim: 450~650 HV (theo thang độ cứng Vicke), tương ứng với đường kính kim $0,3 \leq d < 0,45$ - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gờ, ria gai hoặc mốc - Đầu kim không bị cong hoặc rạn nứt sau khi bị tác động áp lực và lực châm tiêu chuẩn - Áp lực chịu tác động của kim: 0,5 N (đường kính $0,25 < d \leq 0,35$) - Lực châm của kim: 0,8 N (đường kính $0,25 < d \leq 0,35$)	ISO 13485:2016	100.000
51	Kim lấy thuốc vô trùng hoặc tương đương	Nhóm 6	Hộp/100 cái; Số 18G	Cái	Kim các số G18, G20, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485	30.000
52	Kim nha khoa hoặc tương đương		Hộp/100 cái	Cái	Hộp 100 cái	ISO	200
53	Kim gây tê đám rối thần kinh		25 cái/hộp	Cái	Kim sử dụng gây tê đám rối thần kinh, đốc kim màu trắng, thân kim có các rãnh cửa giúp cho việc hiển thị rõ kim trên máy siêu âm và giúp bác sĩ cảm nhận rõ khi đâm kim. Đầu kim loại Back-cut, Chiều dài kim 50mm - 100mm Tiệt trùng bằng công nghệ EO	ISO 13485, CE	50

54	Mas thở ô xy người lớn hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khía chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)"	Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	50
55	Mask thở Oxy người lớn hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái	Cái	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khía chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)"	Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	2
56	Mask thanh quản hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái	Cái	Có ống thông thực quản độc lập giúp giảm nguy cơ cho đường hô hấp. Thân ống được gia cố tăng độ linh động và chống gấp. Chất liệu Silicon y tế tương thích sinh học tốt và bảo vệ đường thở. Thiết kế 2 nồng độ độ bịt kín cao, áp suất bơm khí lên đến 40cm H2O. Các số	ISO 13485	10
57	Nhiệt kế-âm kế đo nhiệt độ phòng hoặc tương đương		Cái	Cái	Hộp 1 cái		1
58	Ống nội khí quản không cuff hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái	Cái	Ống đặt nội khí quản không bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO. Các cỡ 2.0 - 10.0	ISO 13485, CE	10
59	Ống nội khí quản có cuff hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái	Cái	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cản quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO. Các cỡ 2.0 - 10.0	ISO 13485, CE	50
60	Parafin	Nhóm 6	Can 20 lít	Lít	Dầu parafin lỏng không màu, trong suốt, không mùi, không vị và là chất lỏng dưới dạng dầu, nó có thể được hòa tan trong ether, chloroform, xăng và benzen nhưng không thể hòa tan trong nước và ethanol.		20
61	Phim X quang y tế Drystar DT 5.000I B 8x10in" (20x25cm) hoặc tương đương	Nhóm 3	Hộp ≥ 100 tấm	Tấm	Phim khô Drystar DT5000 iB, kích cỡ 8x10" (20x25cm). Hộp/100 tờ. Thông số kỹ thuật phim DT5000IB: - Đồng phim thang xám kỹ thuật số trực tiếp thế hệ thứ 2; - Độ đậm quang học ≥ 3.2; - Nền PET dày 168μm, phủ lớp muối bạc; - Lưu trữ phù hợp tiêu chuẩn ANSI IT9.11 và IT9.19	ISO 13485	8.000
62	Thuốc diệt tuý hoặc tương đương		Hộp 5 gam	Hộp	Hộp 5 gam		1
63	Túi camers hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi	Cái	Ống nylon 18 x 230 cm; Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc. Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton có độ bền cao. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì . Tiệt trùng bằng khí EO.	ISO 13485	100
Tổng cộng: 63 mặt hàng							

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ PHẪU THUẬT NGOẠI KHOA
(Kèm theo Công văn số /CV-YT ngày /5/2024 của Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc)

STT	Tên hàng hóa	Phân nhóm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Số lượng
Phần 1: Vật tư y tế phẫu thuật mắt							
1	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2.4% hoặc tương đương	Nhóm 3	Ống	Ống	Hydroxypropyl methyl cellulose: 2.4% Độ nhầy: khoảng 6000-8000 mPas Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm / kg Trọng lượng phân tử: 0.1-0.18 mio. Daltons PH: 6.8-7.5 Thể tích: 2.0ml Tuổi thọ: 42 tháng Thành phẩm 1 ml: Hydroxypropyl methyl cellulose: 24.00 mg - Sodium Chloride: 6.40mg - Potassium Chloride: 0.75mg - Calcium Chloride 2H2O: 0.48mg - Magnesium Chloride: 6H2O 0.3mg - Sodium acetate 3H2O: 3.9mg - Sodium citrate 2H2O: 1.70mg Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE	ISO 13485; CE	150
2	Thủy tinh thể nhân tạo mềm (lọc ánh sáng xanh) hoặc tương đương	Nhóm 3	Hộp 1 cái	Cái	- Chất liệu: HEMA/MMA. - Chống tia UV, lọc ánh sáng xanh - Đường kính optic: 6.0 mm. - Dải công suất từ: -5.0D đến + 30D - Cấu tạo một mảnh - Đặc điểm: phi cầu - Chiều dài tổng thể: 12.0 mm - Hằng số A (hoặc UB): UB: 118.3. OB: 118.9 - Độ sâu tiền phòng: 4.80 - Chỉ số khúc xạ 1.46. Abbe: 56. - Thiết kế hai càng, góc càng 0° - Kèm dụng cụ đặt IOL.	ISO 13485; CFS	350
Cộng phần 1: 02 mặt hàng							
Phần 2: Vật tư y tế phẫu thuật chấn thương							
1	Nẹp mặt thẳng 16 lỗ cho vít 2.0mm	Nhóm 2	Túi/10 cái	Cái	Nẹp mặt thẳng 16 lỗ cho vít 2.0mm; dày 1.0mm; Màu xám titan nguyên bản. Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE - Tương thích trợ cụ đồng bộ SDH4/SDB-20C-90	ISO 13485; CE	10
2	Nẹp lòng máng 1/3	Nhóm 2	Túi/10 cái	Cái	Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm. - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 54/66/78//90/102/114/126/138/150mm - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	10
3	Nẹp tái tạo (mắt xích), thẳng, vít 3.5mm	Nhóm 2	Túi/10 cái;	Cái	Nẹp dày 2.2mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp: 10.5mm - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 48/60/72/84/108/120/132/144mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	EN ISO 13485:2016; 93/42/EEC	20

4	Vít xương cứng đường kính 3.5mm, bước ren 1.25mm	Nhóm 2	Túi/10 cái;	Cái	đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25mm, mũ tô vít 2.5mm; - chiều dài từ 10-60mm; - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	20
5	Vít xương cứng đường kính 4.5mm tự taro	Nhóm 2	Số 8 + 9 + 10	Cái	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	20
6	Vít xương xóp đường kính đường kính 6.5mm, ren 16mm	Nhóm 4	Túi/cái	Cái	đường kính ren 6.5mm; ren: 16mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - chiều dài từ 50-105mm; - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	10
7	Vít xương xóp đường kính đường kính 6.5mm, ren 32mm	Nhóm 2	Túi/1 cái	Cái	đường kính ren 6.5mm; ren 32mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũ tô vít 3.5mm - chiều dài từ 50-105mm; - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	5
8	Mũi khoan xương	Nhóm 4	Cái; Bàn rộng	Cái	đường kính từ 1.2mm đến 4.5mm - chiều dài 130mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	ISO 13485; CE	3
9	Nẹp 10 lỗ hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	5 đến 16 lỗ ô van dài 96 - 272mm, dày 5mm, rộng 17mm, khoảng cách giữa các lỗ 16mm, sử dụng vít cứng đường kính 4,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	ISO 13485; CE	5
10	Nẹp 6 lỗ bản hẹp hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	Nẹp dày 4.0mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm; Nẹp 6 lỗ, dài khoảng 103mm, Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất, chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	ISO 13485; CE	5
11	Nẹp 8 lỗ bản hẹp hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái;	Cái	Nẹp dày 4.0mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm; Nẹp 8 lỗ, dài khoảng 135mm, Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất, chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	ISO 13485; CE	5
12	Nẹp 4 lỗ bản nhỏ hoặc tương đương	Nhóm 3	Túi/1 cái; 90 mm - 4 lỗ	Cái	4 đến 12 lỗ ô van dài 52 - 148mm, dày 3mm, rộng 12mm, khoảng cách giữa các lỗ 12mm, sử dụng vít cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	ISO 13485; CE	5
13	Nẹp mắt xích 6 ô hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái; 6-10 lỗ	Cái	Nẹp dày 2.2mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp: 10.5mm - Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 48/60/72/84/96/108/120/132/144mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	10

14	Nẹp tăng áp bản rộng 12 lỗ hoặc tương đương	Nhóm 6	Cái; 6-12 lỗ	Cái	Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm - Số lỗ trên thân nẹp: 12 lỗ; tương ứng với chiều dài 199mm - Tương thích trợ cụ: Aysam - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 2008 UNS S31673 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni).	ISO 13485; CE	5
15	Vít 4,5 x 38 hoặc tương đương	Nhóm 3	Túi/1 cái	Cái	Đường kính vít 4.5mm, dài 38mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	ISO 13485; CE	20
16	Vít cứng 3,5 x 20 hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	Đường kính vít 3.5mm, dài 20mm, đk mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 2.5mm, bước ren 1.25mm, đk lõi vít 2.4mm. Chất liệu thép không gỉ	ISO 13485; CE	10
17	Vít cứng 3,5 x 28 hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	Đường kính vít 3.5mm, dài 28mm, đk mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 2.5mm, bước ren 1.25mm, đk lõi vít 2.4mm. Chất liệu thép không gỉ	ISO 13485; CE	10
18	Vít cứng 4,5 x 30 hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	Đường kính vít 4.5mm, dài 30mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	ISO 13485; CE	10
19	Vít cứng 4,5 x 36 hoặc tương đương	Nhóm 6	Túi/1 cái	Cái	Đường kính vít 4.5mm, dài 36mm, đk mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đk 3.5mm, bước ren 1.75mm, đk lõi vít 3.0mm. Chất liệu thép không gỉ	ISO 13485; CE	10
Cộng phần 2: 19 mặt hàng							
Tổng cộng: Phần 1 + Phần 2: 21 mặt hàng							

Phụ lục: BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Kính gửi:

Tên đơn vị báo giá:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax , Email.....

Sau khi nghiên cứu kỹ nhu cầu của Bệnh viện. Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi tới Quý Bệnh viện báo giá như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model,Hãng, nước sản xuất	Mã HS	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ /Năm sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VN Đ)	Thành tiền (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan(VNĐ)	Phân nhóm	Mã hàng hoá 5086
1														
...														
	Cộng:													

- Xuất xứ hàng hóa: Cam kết hàng mới 100%
- Chất lượng hàng hóa: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển đến kho của quý bệnh viện
- Thời gian giao hàng.....sau khi ký hợp đồng
- Hiệu lực của báo giá.....90 ngày.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)